

Bản án số 24/2018/DS-ST
Ngày 23 tháng 10 năm 2018
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân

2. Bà Nguyễn Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý thụ lý số 22/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 2 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu T.**, sinh năm 1976;

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: P104 Y1 ngõ 135 phố N., phường K., quận B., Thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang H.** Sinh năm: 1978.

Chị **Tạ Thị Bích H.**, Sinh năm 1981

Đăng ký hộ khẩu thường trú: 35 hẻm 559/109/2 phố K., phường V., quận H., Thành phố Hà Nội.

(Anh H. có mặt, chị H. vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T.:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/01/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T. trình bày:

Chị T. đã cho vợ chồng anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H. vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và 3.000 (Ba nghìn) USD và đã giao

tiền cho vợ chồng anh chị làm nhiều đợt. Ngày 14/6/2015, hai bên đã lập giấy biên nhận nợ để chốt số tiền vay trên. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay đối với khoản tiền trên và thỏa thuận vợ chồng anh H. và chị H. sẽ thanh toán cho chị T. đầy đủ số tiền vay chậm nhất vào ngày 30/12/2015. Đến nay, vợ chồng anh H. và chị H. vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào cho chị T.. Nay, chị T. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc nói trên và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 31/12/2017 đối với khoản tiền vay, cụ thể:

Tiền gốc: 200.000.000 đồng + 3.000 USD (quy đổi theo tỷ giá mua vào của Vietcombank ngày 03/01/2018: 3.000 USD x 22.675 VND = 68.025.000 đồng) = 268.025.000 đồng.

Tiền lãi: Lãi suất cho vay ngắn hạn cho vay bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 7,5%/năm. Căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự, số tiền chậm trả được tính lãi suất vay không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố đối với loại cho vay tương ứng. Vậy Lãi suất chậm trả là $7,5\% \times 150\% = 11,25\%$ /năm. Số tiền lãi chậm trả trong 02 năm là: 268.025.000 đồng x 11,25% = 60.305.625 đồng.

Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 328.330.625 đồng.

Chị T. yêu cầu anh H. và chị H. phải trả trước 50% số tiền nợ gốc, 50% còn lại và số tiền lãi sẽ thỏa thuận sau.

Tại buổi hòa giải lần thứ 2 vào ngày 28/9/2018, Nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu trả lãi: Do lúc thỏa thuận viết giấy vay nợ, các bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay nên bây giờ nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, với lãi suất 10%/năm trên khoản nợ gốc 200.000.000 VNĐ tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày 30/9/2018 là 33 tháng, cụ thể như sau:

200.000.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 33 tháng = 55.000.000 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả là 268.025.000 đồng + 55.000.000 đồng = 323.025.000 đồng.

Đến nay, do Bị đơn không đến Tòa án làm việc và đã bán nhà đi nơi khác nên chị T. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi chậm trả luôn trong một lần.

2. Ý kiến của Bị đơn anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H.:

Tại bản tự khai ngày 28/02/2018 tại Tòa án, anh Nguyễn Quang H. trình bày như sau:

Anh H. xác nhận khoản vay của vợ chồng anh đối với chị Phạm Thị Thu T. là hoàn toàn chính xác. Ngoài ra, anh cũng đồng ý với cách tính lãi mà chị T. áp dụng trong đơn khởi kiện mặc dù tại thời điểm cho vay các bên không cam kết trả lãi. Do điều kiện của vợ chồng anh hiện nay khó khăn nên không thể trả cho chị T. trong 1 lần nên nếu chị T. đồng ý thì vợ chồng anh sẽ cố gắng trả dần

cả gốc và lãi cho đến khi trả nợ hết. Số tiền trả dần sẽ được hai bên thương lượng cụ thể.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2018, chị Tạ Thị Bích H. trình bày như sau:

Chị đã biết yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi của chị T.. Ngày 14/6/2015, vợ chồng chị có vay của chị Phạm Thị Thu T. số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và 3.000 (Ba nghìn) USD, khi nhận tiền đô là 30 tờ mệnh giá 100 USD. Số tiền vay trên, vợ chồng chị đã cùng sử dụng chung đến ngày hôm nay vẫn chưa trả được bất cứ khoản nào cho chị T.. Khi vay, các bên không thỏa thuận lãi theo thời hạn vay đã ghi trong giấy biên nhận nợ. Chị xác nhận vợ chồng chị có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc cho chị T., nợ lãi đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật. Đến nay, vợ chồng chị khó khăn nên xin trả dần số tiền trên cho chị T..

3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ:

Thẩm phán đã nhiều lần tổng đạt cho Bị đơn chị Tạ Thị Bích H. tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú các Giấy báo, Thông báo ý kiến của Nguyên đơn và ý kiến của Bị đơn anh Nguyễn Quang H. và triệu tập chị H. đến Tòa án làm việc nhưng chị H. không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện.

Quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng: Giấy báo, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H. và chị H. tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của anh chị đều không thành vì anh chị đã không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Qua xác minh, ngày 08/8/2018, Công an phường V. cung cấp: anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H. có đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại địa chỉ 35 hẻm 559/109/2 phố K., phường V., quận H., Hà Nội. Khoảng 02 tháng nay, anh H. và chị H. đã bán nhà và dọn đi ở nơi khác. Hiện nay, anh chị ở đâu thì Công an phường không rõ.

Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tiến hành đăng tin cho chị Tạ Thị Bích H. về việc mở phiên tòa trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Tại phiên tòa:

Ngày 22/10/2018, Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T. có đơn đề nghị hoãn phiên tòa ngày 22/10/2018. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 22/10/2018.

Tại phiên tòa ngày 23/10/2018, chị T. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H. phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi chậm trả, cụ thể: Nợ gốc là 200.000.000 đồng + 3.000 USD (quy đổi theo tỷ giá mua

vào của Vietcombank ngày 03/01/2018: $3.000 \text{ USD} \times 22.675 \text{ VND} = 68.025.000 \text{ đồng}$) = 268.025.000 đồng; số tiền lãi chậm trả đề nghị tính theo quy định của pháp luật. Chị T. không yêu cầu tuyên bố giao dịch vay 3.000 USD vô hiệu, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H. vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án, không yêu cầu tuyên bố giao dịch vay 3.000 USD vô hiệu, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Chị Tạ Thị Bích H. có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, chị đồng ý trả nợ cho chị T. theo thỏa thuận giữa vợ chồng chị và chị T. và theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các bên đã xác nhận giấy biên nhận nợ lập ngày 14/6/2015 với nội dung tự nguyện thỏa thuận chị T. cho vợ chồng anh H., chị H. vay số tiền 200.000.000 đồng và 3.000 USD, không thỏa thuận lãi suất vay, thời hạn trả nợ là 30/12/2015. Do vậy, đơn khởi kiện của chị T. yêu cầu anh H. và chị H. phải trả số tiền vay nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, thỏa thuận vay 3.000 USD là trái với quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối nên giao dịch vay 3.000 USD này là vô hiệu, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Đối với yêu cầu trả lãi chậm trả của nguyên đơn, khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất cho vay nên nay nguyên đơn có yêu cầu trả lãi chậm trả thì áp dụng lãi suất chậm trả là lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm đối với 200.000.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng anh H., chị H. phải thanh toán cho chị T. số tiền 200.000.000 đồng và 3.000 USD quy đổi ra tiền VNĐ theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm 14/6/2015; và tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử; tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T. khởi kiện về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản với bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H., đây là quan hệ tranh chấp về dân sự. Anh H. và chị H. đăng ký hộ khẩu thường trú tại 35 hẻm 559/109/2 phố K., phường V., quận H., Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, anh H. và chị H. đã bán nhà dọn đi nơi khác sinh sống, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Nguyên đơn và cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H. và chị H. theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 23/10/2018, chị H. có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bình thường theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T. yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H. phải thanh toán cho chị toàn bộ số tiền anh H. và chị H. đã vay của chị theo Giấy biên nhận nợ ngày 14/6/2015, cụ thể là 200.000.000 đồng và 3.000 USD và buộc anh H. và chị H. phải thanh toán cho chị số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác nhận việc ngày 14/6/2015 các bên đã lập Giấy biên nhận nợ theo đó thỏa thuận anh H. và chị H. có vay của chị T. số tiền trên, không thỏa thuận lãi suất vay và thỏa thuận anh H. và chị H. thanh toán đầy đủ số nợ chậm nhất vào ngày 30/12/2015. Anh H. và chị H. xác nhận vợ chồng anh chị đã cùng sử dụng số tiền vay nói trên vì mục đích chung trong gia đình. Từ khi vay đến nay, anh H., chị H. chưa trả bất kỳ một khoản tiền vay nào cho chị T.. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc đã vay.

[5]. Về luật áp dụng: Giao dịch dân sự nói trên được thực hiện ngày 14/6/2015 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực và nội dung của giao dịch dân sự khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[6]. Về hiệu lực của giao dịch: Việc các bên thỏa thuận cho nhau vay số tiền 200.000.000 đồng là giao dịch dân sự hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Các bên đã cùng xác nhận khoản vay này nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. về việc buộc anh H., chị H. phải thanh toán cho chị số tiền vay là 200.000.000 đồng.

[7]. Theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối: “Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các giao dịch với tổ chức tín dụng, các trường hợp thanh toán thông qua trung gian gồm thu hộ, uỷ thác, đại lý và các trường hợp cần thiết khác được Thủ tướng Chính phủ cho phép”. Như vậy, giao dịch vay tài sản là 3.000 USD giữa chị T. và anh H., chị H. là vi

phạm điều cấm của luật. Giao dịch vay tài sản này là vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 127; Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ Điều 134 Bộ luật dân sự năm 2005, giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch dân sự được xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó, anh H. và chị H. phải hoàn trả lại cho chị T. số tiền 3.000 đô la Mỹ. Tuy nhiên, do quy định hạn chế giao dịch ngoại hối tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối nên anh H. và chị H. phải hoàn trả lại cho chị T. số tiền 3.000 đô la Mỹ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm ngày 14/6/2015, cụ thể là: $3.000 \text{ USD} \times 21.770 \text{ đồng} = 65.310.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, anh H. và chị H. có nghĩa vụ phải thanh toán cho chị T. số tiền $200.000.000 \text{ đồng} + 65.310.000 \text{ đồng} = 265.310.000 \text{ đồng}$.

[8]. Về yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi chậm trả của Nguyên đơn: Tại thời điểm cho vay, các bên không thỏa thuận lãi suất vay. Nay nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán lãi đối với số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng nên căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thanh toán lãi của nguyên đơn.

[9]. Anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H. có trách nhiệm phải thanh toán cho chị Phạm Thị Thu T. số tiền lãi đối với khoản nợ chậm trả 200.000.000 đồng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (0,75%/tháng, 0,025%/ngày) tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 30/12/2015 đến ngày xét xử là 33 tháng 23 ngày, cụ thể như sau:

$(200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 33 \text{ tháng}) + (200.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 23 \text{ ngày}) = 49.500.000 + 1.150.000 = 50.650.000 \text{ đồng}$

[10]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[11]. Về án phí: Đối với yêu cầu của chị T. về việc đòi nợ số tiền nợ gốc 268.025.000 đồng, Tòa án xác định anh H. và chị H. phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị T. số tiền là 265.310.000 đồng. Như vậy, chị T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận là 268.025.000 đồng - 265.310.000 đồng = 2.715.000 đồng, chị T. phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 122; Điều 127; Điều 128; Điều 134; Điều 471, Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối;

- Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu T..

Tuyên bố giao dịch vay 3.000 đô la Mỹ giữa chị T. và anh Nguyễn Quang H., chị Tạ Thị Bích H. vô hiệu.

Buộc anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H. phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Thu T. số tiền 265.310.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 50.650.000 đồng, tổng cộng là 315.960.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H. và chị Tạ Thị Bích H. phải chịu 15.798.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T. phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 8.208.265 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp tại Biên lai số 0003549 ngày 25/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, hoàn trả lại chị T. số tiền 7.908.265 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Phương